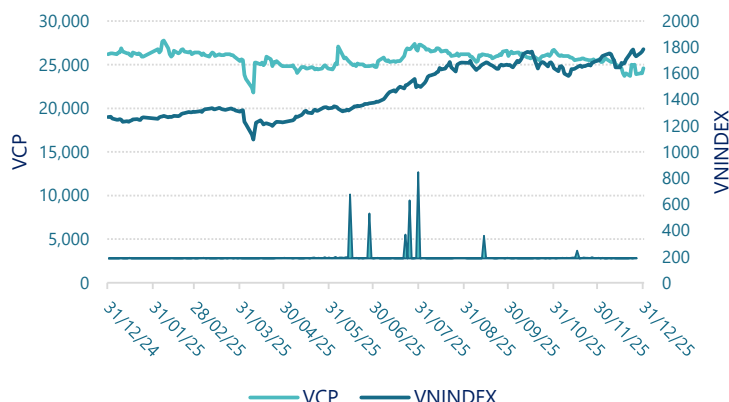


CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP (UPCOM: VCP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	24,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,764
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,801
SL cổ phiếu LH	83,789,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,080
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,061
P/E	4.6
EPS	5,304

DT thuần

Q4/25

682

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 53.0 | 8.5%

YoY: ▲ 112 | 19.7%

LN sau thuế

Q4/25

159

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0 | 20.7%

YoY: ▲ 36.0 | 29.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

30.1%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2025

2,287

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 515 | 29.0%

LN sau thuế

2025

484

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 150 | 45.1%

ROE

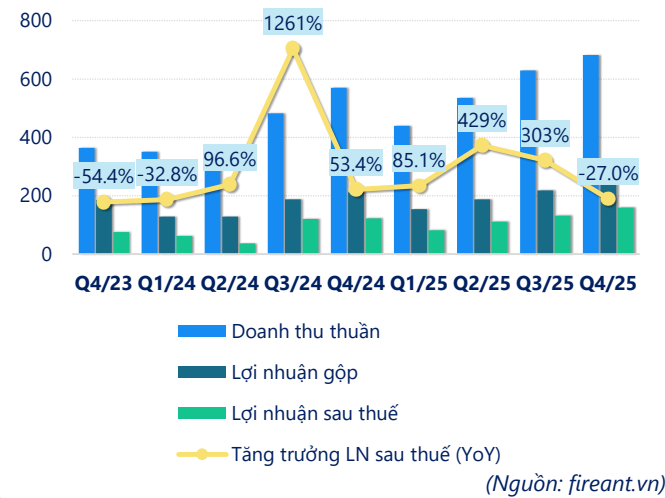
2025

19.7%

+/- YoY: ▲ 3.5%

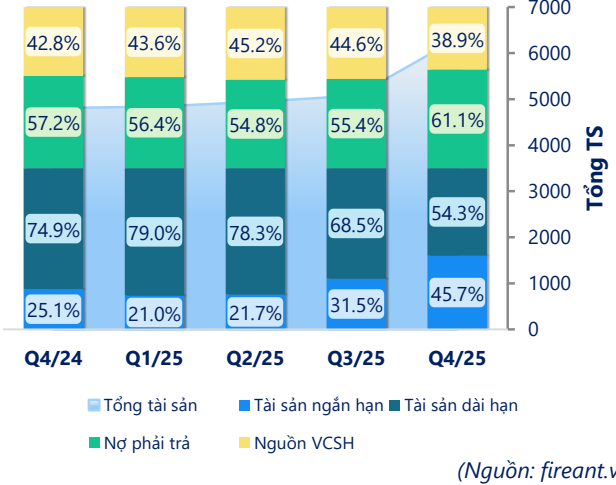
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

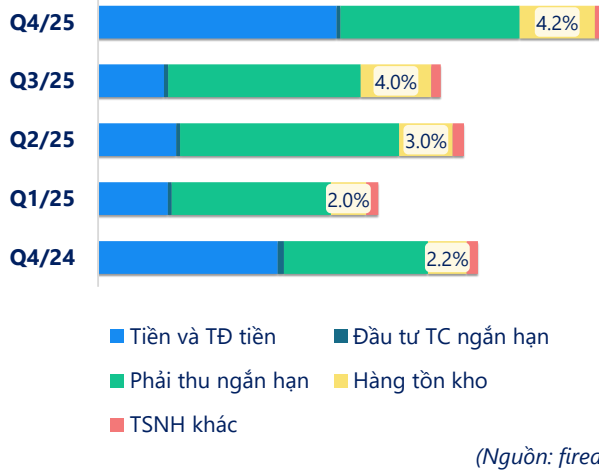


Cơ cấu Tổng tài sản

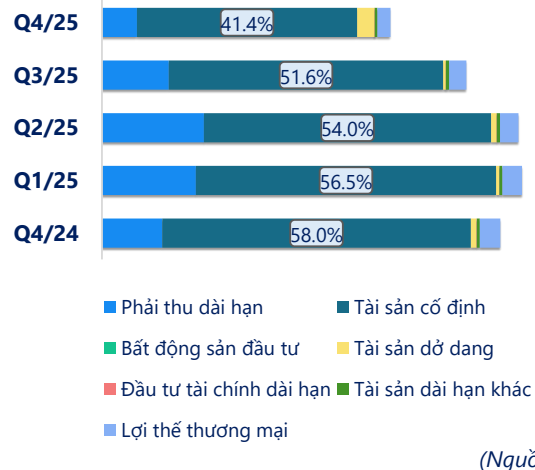
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

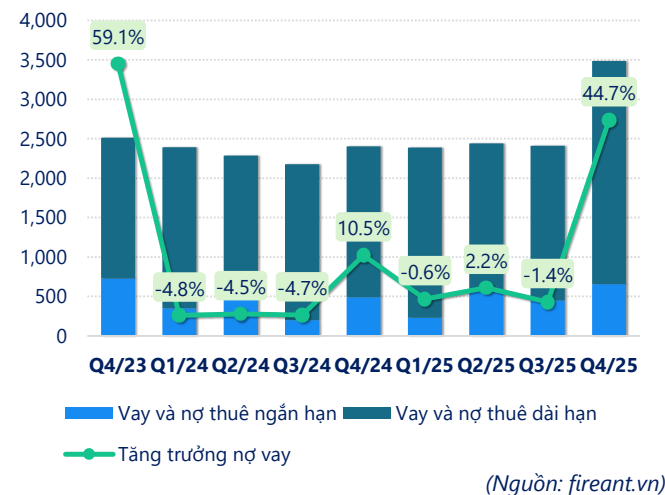


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



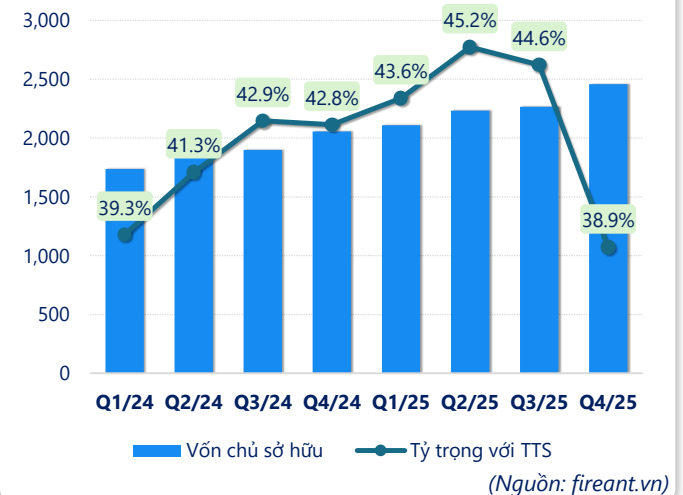
tỷ VNĐ

Nợ vay

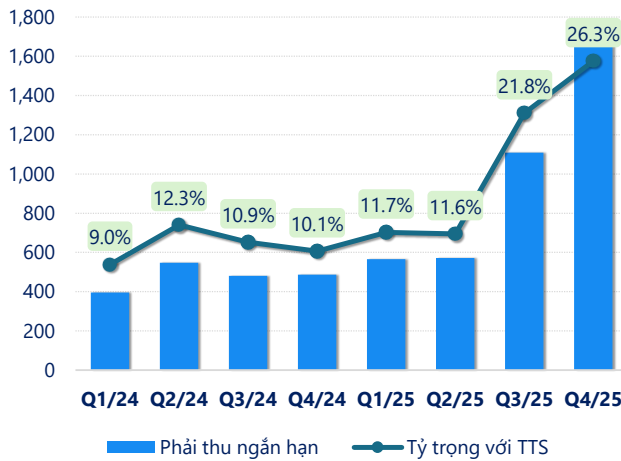


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

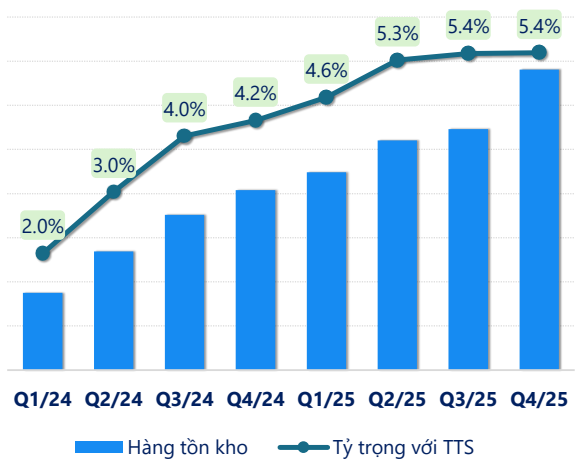


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


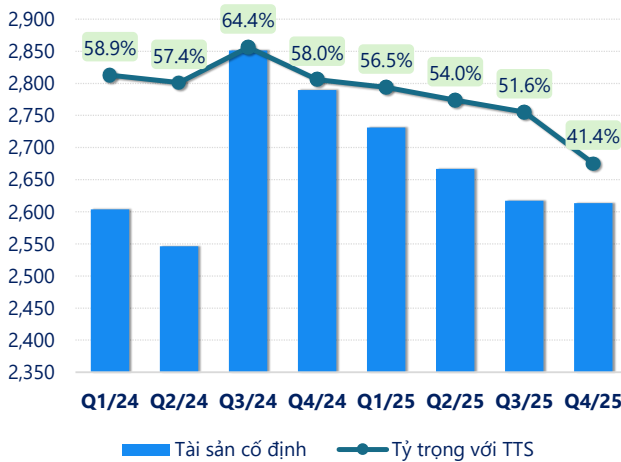
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


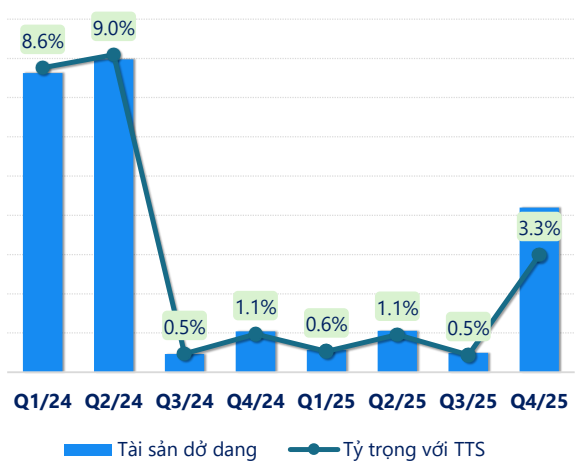
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

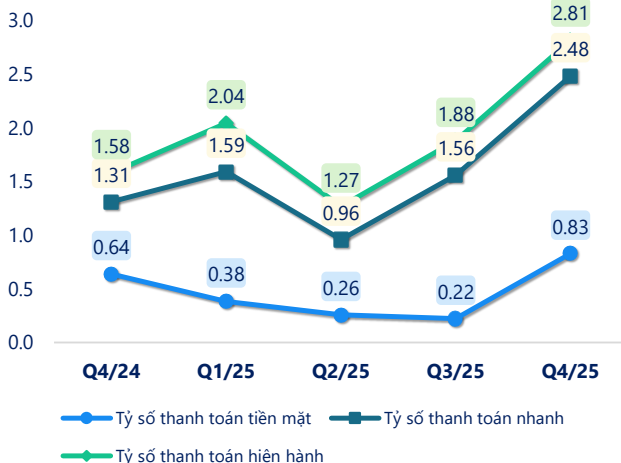
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

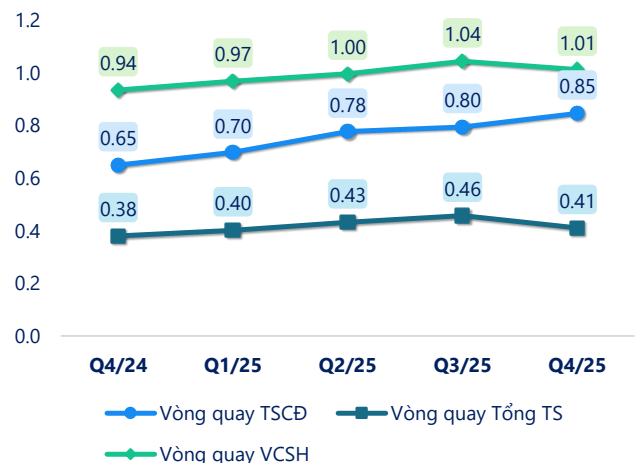
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	4,808	4,837	4,942	5,075	6,314
Tài sản ngắn hạn	1,205	1,015	1,070	1,597	2,886
Tiền và tương đương tiền	487	190	218	189	850
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.7	17.9	10.7	18.0	10.9
Phải thu ngắn hạn	486	566	572	1,108	1,659
Hàng tồn kho	204	224	260	273	341
Tài sản ngắn hạn khác	17.0	17.0	9.75	8.63	26.4
Tài sản dài hạn	3,603	3,821	3,872	3,479	3,428
Phải thu dài hạn	545	854	949	639	416
Tài sản cố định	2,790	2,731	2,667	2,617	2,613
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	52.1	28.6	52.6	24.9	210
Đầu tư tài chính dài hạn	1.57	1.56	1.57	1.56	0.56
Tài sản dài hạn khác	27.6	26.8	30.2	29.9	31.6
Lợi thế thương mại	187	179	172	166	157
Nợ phải trả	2,752	2,729	2,710	2,811	3,856
Nợ ngắn hạn	763	497	844	850	1,026
Vay và nợ thuê ngắn hạn	490	231	578	448	656
Phải trả người bán ngắn hạn	108	61.7	92.4	85.7	172
Nợ dài hạn	1,989	2,232	1,865	1,961	2,831
Vay và nợ thuê dài hạn	1,915	2,158	1,865	1,961	2,831
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,056	2,108	2,232	2,265	2,458
Vốn chủ sở hữu	2,056	2,108	2,232	2,265	2,458
Vốn điều lệ	838	838	838	838	838
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)